

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long Đ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim Ng, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 51, Khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông Tầu có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bà Ngân vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim Ng xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An ngày 30/6/2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Tàu yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngân.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn T xác định ông và bà Trần Thị Kim Ng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/6/1991, Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 28/11/1992. Hiện các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T xác định không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Kim Ng đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Trích lục kết hôn (bản sao); 03 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Trích lục khai tử (bản sao); 01 Căn cước công dân (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thị trấn B, huyện B về việc tranh chấp “tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Kim Ng đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim Ng xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An ngày 30/6/2000 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Ngân và ông Tàu là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Tàu, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, ông Tàu cho rằng giữa ông và bà Ngân đã phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt và không ai còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho ông và bà Ngân thời gian đoàn tụ nhưng bà Ngân không có bất kỳ ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của ông Tàu mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa ông Tàu và bà Ngân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Kim Ng.

[5]. Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của ông Tàu cùng các chứng cứ do ông Tàu cung cấp thì ông Tàu và bà Ngân có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 01/6/1991, Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 28/11/1992, hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tàu trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Ngân vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn T với bà Trần Thị Kim Ng.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Kim Ng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006898 ngày 18/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B chuyển sang án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nga

